

Số: /2020/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi năm 2021
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA ... - KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai dự thảo Nghị quyết thông qua giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện việc quản lý giá và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi

3.1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

a) Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa được tính theo biểu sau:

TT	Đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi/ Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
I	Đối với doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai)	
-	Tưới, tiêu bằng trọng lực	
+	Chủ động	1.218.529
+	Tạo nguồn	487.412
-	Tưới, tiêu bằng động lực	
+	Chủ động	2.344.657
+	Tạo nguồn	1.172.328
-	Tưới bằng thủy triều	852.790
-	Tiêu nước khu vực nông thôn	60.926
II	Đối với Tổ chức thủy lợi, cá nhân (Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện, UBND cấp xã, hợp tác xã, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi...)	
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	
+	Chủ động	1.983.393
+	Tạo nguồn	557.450
+	Tạo nguồn bậc 2	2.012.316
-	Tưới tiêu bằng động lực	
+	Chủ động	2.196.087
+	Chủ động một phần	293.115
+	Tạo nguồn	372.343

TT	Đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi/ Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
-	Tưới bằng thủy triều	909.773
-	Tiêu nước khu vực nông thôn	99.169

b) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tính bằng 40% mức giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi đối với đất trồng lúa.

c) Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và dược liệu được tính theo biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh, cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	Đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/m ³	840	600
		Đồng/m ² mặt thoáng/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	Đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định; được xác định trong điều kiện thời tiết bình thường (không có thiên tai, hỏa hoạn và điều kiện bất thường khác).

3.2. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

TT	Các đối tượng dùng nước/ Biện pháp cấp nước	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp	Đồng/m ³	
-	Cấp nước bằng trọng lực		1.658
-	Cấp nước bằng động lực		2.138
2	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước	Đồng/ha mặt thoáng/năm	1.200.000

Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác nêu trên là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định và được xác định trong điều kiện thời tiết bình thường (không có thiên tai, hỏa hoạn và điều kiện bất thường khác).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa ... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, CCTHADS tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường